

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÔNG HƯNG**

Số: 1324/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đông Hưng, ngày 05 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp trên địa bàn xã Đông Hưng năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG HƯNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 15/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 25/KH-UBND, ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp năm 2025 trên địa bàn xã Đông Hưng;

Theo đề nghị của Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 94/TTr-PKT ngày 01 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2025 trên địa bàn xã Đông Hưng.

- Tổng số hộ dân trên địa bàn xã hiện nay: **4.455** hộ.
- Tổng số hộ nghèo: **75** hộ, tỷ lệ **1,68%**.
- Số hộ cận nghèo: **92** hộ, tỷ lệ **2,07%**.

(Kèm theo danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo 2025; phụ lục 7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5, 7.6, 7.7, 7.8, 7.9, 7.10, 7.11).

Điều 2. Cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được công nhận tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Trưởng các ấp và các hộ dân có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định

này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh An Giang;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Như Điều 3;
- Lưu VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Sang



Mẫu số 7.1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

XÃ: ĐÔNG HƯNG

Năm rà soát: 2025

TT	Khu vực/Địa bàn	Tổng số hộ dân cư (tại thời điểm rà soát)		Kết quả rà soát (chính thức)			
				Tổng số hộ nghèo		Tổng số hộ cận nghèo	
		Số hộ	Nhân khẩu	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ
1	Ấp Ngọc Thuận	252	1330	1	0.39	11	4.76
2	ấp Thường Luồng	139	840	2	1.43	0	0
3	ấp Ngọc Hồng	324	1272	4	1.23	21	6.48
4	Ấp Ngọc Hải	306	1406	1	0.32	16	5.22
5	Ấp Rọ Ghe	308	1619	8	2.59	4	1.29
6	Ấp Hưng Lâm	240	1215	4	1.66	1	0.41
7	Ấp Ngọc Hòa	260	1327	5	1.92	4	1.53
8	ấp Xẻo Dôi	315	1595	9	2.85	3	0.95
9	Ấp Ngọc Hiền	355	1,372	12	3.38	5	1.40
10	Ấp Minh Giồng	367	1,867	2	0.57	0	0.00
11	Ấp Minh Cơ	490	1,614	15	3.06	7	1.42

12	Ấp Mường Đào	363	1,205	5	1.37	8	2.20
13	Ấp Phong Lưu	372	1,676	3	0.80	4	1.07
14	Ấp Ngọc Thành	364	1,342	4	1.09	8	2.19
Tổng cộng:		4,455	19,680	75	1.68	92	2.07

Lập Bảng

PHÒNG KINH TẾ

Đông Hưng, ngày tháng 12 năm 2025

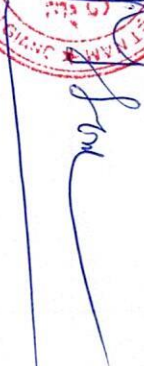
T.M ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH











Phạm Hữu Giáo

Hồ Minh Song

Nguyễn Thanh Sang

XÃ: ĐÔNG HƯNG

Mẫu số 7.2. TỔNG HỢP DIỄN BIẾN HỘ NGHÈO TRONG NĂM
Năm rà soát: 2025

TT	Khu vực/Địa bàn	Phân tổ	Tổng số hộ nghèo đầu năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)	Diễn biến giảm số hộ nghèo			Diễn biến tăng số hộ nghèo			Tổng số hộ nghèo cuối năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)	
				Số hộ thoát nghèo		Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, hộ đơn thân chết đi, chuyển đi nơi khác, tách, nhập với hộ khác,...	Số hộ ngoài danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn đột xuất trong năm		Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, chuyển đến, tách, nhập với hộ khác,...		
				Trở thành hộ cận nghèo	Vượt chuẩn cận nghèo		Tái nghèo	Phát sinh mới			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	ấp Ngọc Thuận	Hộ	2	0	1	0	0				1
		Nhân khẩu	10	0	8	0	0				2
2	ấp Thuồng Luồng	Hộ	3	0	1	0	0				2
		Nhân khẩu	10	0	4	0	0				6
3	ấp Ngọc Hồng	Hộ	4	0	0	0	0				4
		Nhân khẩu	14	0	0	0	0				14
4	ấp Ngọc Hải	Hộ	1	0	0	0	0				1
		Nhân khẩu	4	0	0	0	0				4
5	ấp Rọ Ghe	Hộ	8	0	0	0	0				8
		Nhân khẩu	16	0	0	0	0				16
6	ấp Hưng Lâm	Hộ	4	0	0	0	0				4
		Nhân khẩu	12	0	0	0	0				12
7	ấp Ngọc Hòa	Hộ	6	1	0	0	0				5
		Nhân khẩu	26	12	0	0	0				14
8	ấp Xẻo Đới	Hộ	9	0	0	0	0				9
		Nhân khẩu	23	0	0	0	0				23
9	ấp Ngọc Hiến	Hộ	11	0	0	0	0		1		12
		Nhân khẩu	40	0	0	0	0		1		41
10	ấp Minh Giồng	Hộ	2	0	0	0	0				2
		Nhân khẩu	4	0	0	0	0				4
11	ấp Minh Cơ	Hộ	15	0	1	0	0		1		15
		Nhân khẩu	33	0	3	0	0		2		32
12	ấp Mương Đào	Hộ	5	1	0	0	0		1		5
		Nhân khẩu	14	2	0	0	0		3		15

13	Ấp Phong Lưu	Hộ	3	0	0	0	0			3
		Nhân khẩu	10	0	0	0	0			10
14	Ấp Ngọc Thành	Hộ	7	2	1	0	0			4
		Nhân khẩu	27	8	6	0	0			13
		Hộ	80	4	4	0	0			75
		Nhân khẩu	243	22	21	0	0			206
	Tổng cộng									

Lập bảng

Phạm Hữu Giáo



Hồ Minh Song

PHÒNG KINH TẾ



Nguyễn Thanh Sang

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đông Hưng, ngày.....tháng 12 năm 2025
T.M ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Mẫu số 7.3. TỔNG HỢP DIỄN BIẾN HỘ CẬN NGHÈO TRONG NĂM

XÃ: ĐÔNG HƯNG

Năm rà soát: 2025

TT	Khu vực/Địa bàn	Phân tổ	Tổng số hộ cận nghèo đầu năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)	Diễn biến giảm số hộ cận nghèo				Diễn biến tăng số hộ cận nghèo				Tổng số hộ cận nghèo cuối năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)
				Số hộ thoát cận nghèo	Số hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo	Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, hộ đơn thân chết đi, chuyển đi nơi khác, tách, nhập với hộ khác,...	Số hộ nghèo trở thành hộ cận nghèo	Số hộ ngoài danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn đột xuất trong năm		Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, chuyển đến, tách, nhập với hộ khác,...		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1	ấp Ngọc Thuận	Hộ	5	3					9		11	
		Nhân khẩu	21	14					39		55	
		Hộ	0	0								
2	ấp Thường Lương	Nhân khẩu	0	0								
		Hộ	12	1			2		9		21	
		Nhân khẩu	38	2			7		33		62	
4	ấp Ngọc Hải	Hộ	15	12					13		16	
		Nhân khẩu	51	42					41		50	
		Hộ	2						2		4	
5	ấp Rọ Ghe	Nhân khẩu	6						6		12	
		Hộ	1								1	
		Nhân khẩu	4								4	
7	ấp Ngọc Hòa	Hộ	3				1				4	
		Nhân khẩu	8				10				18	
		Hộ	5	2							3	
8	ấp Xẻo Dôi	Nhân khẩu	20	8							12	
		Hộ	5	1					1		5	
		Nhân khẩu	18	2					4		20	
9	ấp Ngọc Hiền	Hộ	5	1					1		5	
		Nhân khẩu	18	2					4		20	

Mẫu số 7.4. PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ NGHÈO

XÃ: ĐÔNG HƯNG

Năm rà soát: 2025

TT	Khu vực/ Đơn vị	Tổng số hộ nghèo	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Ấp Ngọc Thuận	1	1	1					1				1	1
2	Ấp Thuồng Luồng	2	2	1				2		1			1	
3	Ấp Ngọc Hồng	4	3	4				2		1			1	
4	Ấp Ngọc Hải	1	1	1				1					8	8
5	Ấp Rọ Ghe	8	4	5					1	1	3			
6	Ấp Hưng Lâm	4	4	4		3						3	1	
7	Ấp Ngọc Hòa	5	5	2		5			1	1		2	2	
8	Ấp Xẻo Đồi	9	1	5					2		8	4	4	
9	Ấp Ngọc Hiền	12	8	5	1			3	1			10	11	2
10	Ấp Minh Giồng	2	1	1						1	1	2	2	2
11	Ấp Minh Cơ	15	12	10				1	2	2	4	12	7	4
12	Ấp Muồng Đào	5	2	2					3	1			3	2
13	Ấp Phong Lưu	3	2						2			3	2	2
14	Ấp Ngọc Thành	4										2	1	3
Tổng cộng		75	46	41	1	8	14	9	13	8	16	38	43	24

Lập bảng

PHÒNG KINH TẾ

Đông Hưng, ngày.....tháng 12 năm 2025

T.M ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Hữu Giáo

Hồ Minh Song

Nguyễn Thanh Sang

Mẫu số 7.5. PHÂN TÍCH TỶ LỆ CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ NGHÈO

XÃ: ĐÔNG HƯNG

Năm rà soát: 2025

TT	Khu vực/ Đơn vị	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo (so với tổng số hộ nghèo)											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Ấp Ngọc Thuận	1	100	100					100					100
2	Ấp Thường Luồng	2	100	50			50	100		50			50	
3	Ấp Ngọc Hồng	4	75	100			25	50		25			25	
4	Ấp Ngọc Hải	1	100	100				100						
5	Ấp Rọ Ghe	8	50	63			13		13	13	38		100	100
6	Ấp Hưng Lâm	4	100	100		75						75	25	
7	Ấp Ngọc Hòa	5	100	40		100	20		20	20		40	40	
8	Ấp Xẻo Dới	9	11	56					22		89	44	44	
9	Ấp Ngọc Hiền	12	67	42	8	0	42	25	8	0	0	83	92	2
10	Ấp Minh Giồng	2	50	50	0	0	0	0	0	50	50	100	100	0
11	Ấp Minh Cơ	15	80	67	0	0	20	7	13	13	27	80	47	9
12	Ấp Mường Đào	5	40	40	0	0	20	0	60	20	0	0	60	3

13	Âp Phong Lưu	3	67	0	0	0	33	0	67	0	0	100	67	0
14	Âp Ngọc Thành	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	25	12
Tổng cộng		75	61	55	1	11	19	12	17	11	21	51	57	32

Ghi chú:	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người lớn			7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh hoạt	11: Sử dụng dịch vụ viễn thông	
	2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em			8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10: Nhà tiêu hợp vệ sinh	12: Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin	

Lập bảng

PHÒNG KINH TẾ

Đồng Hưng, ngày... tháng 12 năm 2025

T.M ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Hữu Giáo

Hồ Minh Song

Nguyễn Thanh Sang

Mẫu số 7.6. PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ THIỂU HỢT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ CẬN NGHÈO

XÃ: ĐÔNG HƯNG

Năm rà soát: 2025

TT	Ấp	Tổng số hộ cận nghèo	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Ấp Ngọc Thuận	11	5	3			2	2	8	1				
2	Ấp Thường Lương	0												
3	Ấp Ngọc Hồng	21	18	2			2	2						
4	Ấp Ngọc Hải	16	9	8			1	1	3	1			1	
5	Ấp Rọ Ghe	4	4						3		1			
6	Ấp Hưng Lâm	1		1		1								
7	Ấp Ngọc Hòa	4	2			4				1		1		
8	Ấp Xẻo Đồi	3									3	3		
9	Ấp Ngọc Hiến	5	1	2		1						4	2	
10	Ấp Minh Giồng	0												
11	Ấp Minh Cơ	7	1	2					1	1	2	6	1	
12	Ấp Muong Đào	8	7	4					3		1		2	
13	Ấp Phong Lưu	4							2			4	1	1

14	Áp Ngọc Thành	8	1	1						7	1	6		
Tổng cộng		92	48	23		6	5	5	20	4	7	25	8	7

Ghi chú:	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người lớn	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh hoạt	11: Sử dụng dịch vụ viễn thông
	2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10: Nhà tiêu hợp vệ sinh	12: Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin

Lập bảng

PHÒNG KINH TẾ

Đồng Hưng, ngày.....tháng 12 năm 2025

T.M ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Hữu Giáo

Hồ Minh Song

Nguyễn Thanh Sang

Mẫu số 7.7. PHÂN TÍCH TỶ LỆ CÁC CHỈ SỐ THIỂU HỢT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ CẬN NGHÈO

XÃ: ĐÔNG HƯNG

Năm rà soát: 2025

TT	Ấp	Tổng số hộ cận nghèo	Tỷ lệ chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo (so với tổng số hộ cận nghèo)											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Ấp Ngọc Thuận	11	45	27			18	18	73	9				
2	Ấp Thuồng Luồng	0												
3	Ấp Ngọc Hồng	21	86	10			10	10						
4	Ấp Ngọc Hải	16	56	50			6	6	19	6			6	
5	Ấp Rọ Ghe	4	100						75		25			
6	Ấp Hưng Lâm	1		100		100								
7	Ấp Ngọc Hòa	4	50			100				25		25		
8	Ấp Xẻo Dôi	3									100	100		
9	Ấp Ngọc Hiến	5	20	40		20						80	40	
10	Ấp Minh Giồng	0	0	0										
11	Ấp Minh Cơ	7	14	29					14	14	29	86	14	
12	Ấp Muong Đào	8	88	50					38		13		25	

13	Ấp Phong Lưu	4	0	0					50			100	25	25
14	Ấp Ngọc Thành	8	13	13								88	13	75
Tổng cộng		92	52	25		7	5	5	22	4	8	27	9	8

Chi chú:	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người lớn	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh hoạt	11: Sử dụng dịch vụ viễn thông
	2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10: Nhà tiêu hợp vệ sinh	12: Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin

Lập bảng

PHÒNG KINH TẾ

Đồng Hưng, ngày....tháng 12 năm 2025

T.M ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Hữu Giáo

Hồ Minh Song

Nguyễn Thanh Sang

XÃ: ĐÔNG HƯNG

Mẫu số 7.8. PHÂN NHÓM HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

Năm rà soát: 2025

TT	Khu vực/ Đơn vị	Phân tổ (Hộ, nhân khẩu)	Tổng số hộ dân cư	Số hộ dân tộc thiểu số	Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các nhóm đối tượng							
					Tổng số hộ nghèo	Tổng số hộ cận nghèo	Hộ nghèo dân tộc thiểu số ¹	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	Hộ nghèo không có khả năng lao động ²	Hộ cận nghèo không có khả năng lao động	Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng ³	Hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	ấp Ngọc Thuận	Hộ	252	7	1	11		1	1	2		
		Nhân khẩu	1,330	26	2	55		3	7	8		
		Hộ	139	6	2				2			
2	ấp Thường Luồng	Nhân khẩu	840	14	6				6			
		Hộ	324	3	4	21			2	4		1
		Nhân khẩu	1,272	8	14	62		3	9	16		5
4	ấp Ngọc Hải	Hộ	306	11	1	16			1	6		
		Nhân khẩu	1,406	25	4	50		11	1	8		
		Hộ	308	27	8	4	1		2	4		
5	ấp Rọ Ghe	Nhân khẩu	1,619	65	16	12	5		5	8		
		Hộ	240	2	4	1			3			
		Nhân khẩu	1,215	5	12	4			6			
7	ấp Ngọc Hòa	Hộ	260	5	5	4			3	3		
		Nhân khẩu	1,327	16	14	18			5	7		
		Hộ	315	8	9	3		1	4	1		
8	ấp Xỏ Đôi	Nhân khẩu	1,595	22	23	12		5	10	2		
		Hộ	355	15	12	5			2	1	1	
		Nhân khẩu	1,372	23	41	20			3	1	6	
10	ấp Minh Giồng	Hộ	367	6	2				1			
		Nhân khẩu	1,867	18	4				1			

11	Ấp Minh Cơ	Hộ	490	24	15	7	2	1	4	3		1
		Nhân khẩu	1,614	51	32	26	2	1	8	4		7
12	Ấp Mương Đào	Hộ	363	5	5	8		1	2	3		
		Nhân khẩu	1,205	15	15	25		3	3	6	1	
13	Ấp Phong Lưu	Hộ	372	8	3	4	1		2	3	2	
		Nhân khẩu	1,676	21	10	14	6		3	4		
14	Ấp Ngọc Thành	Hộ	364	7	4	8			2	2	1	
		Nhân khẩu	1,342	28	13	22			2	4	2	
	Tổng cộng:	Hộ	4,455	65	75	92	4	7	31	32	3	2
		Nhân khẩu	19,680	156	206	320	13	23	69	68	10	12

Lập bảng

PHÒNG KINH TẾ

Đồng Hưng, ngày.....tháng 12 năm 2025

T.M ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Hữu Giáo

Hồ Minh Song

Nguyễn Thanh Sang

Mẫu số 7.9. PHÂN NHÓM HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO THEO DÂN TỘC

XÃ: ĐÔNG HƯNG Năm rà soát: 2025

TT	Khu vực/ Đơn vị	Tổng số hộ nghèo	Hộ nghèo dân tộc thiểu số				Tổng số hộ cận nghèo	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số			
			Tổng số	Kinh	Hoa	Khơ mer		Tổng số	Kinh	Hoa	Khơ mer
1	ấp Ngọc Thuận	1	1	1			11	11	10		1
2	ấp Thuồng Luồng	2	2	2							
3	ấp Ngọc Hồng	4	4	4			21	21	21		
4	ấp Ngọc Hải	1	1	1			16	16	13		3
5	ấp Rọ Ghe	8	8	7		1	4	4	4		
6	ấp Hung Lâm	4	4	4			1	1	1		
7	ấp Ngọc Hòa	5	5	5			4	4	4		
8	ấp Xảo Đồi	9	9	9			3	3	2		1
9	ấp Ngọc Hiền	12	12	12			5	5	5		
10	ấp Minh Giồng	2	2	2							
11	ấp Minh Cơ	15	15	13		2	7	7	6		1
12	ấp Muong Đào	5	5	5			8	8	7		1
13	ấp Phong Lưu	3	3	2		1	4	4	4		
14	ấp Ngọc Thành	4	4	4			8	8	8		
Tổng cộng :		75	75	71		4	92	92	85		7

Lập bảng

PHÒNG KINH TẾ

Đông Hưng, ngày.....tháng 12 năm 2025

T.M ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Hữu Giáo



Hồ Minh Song

Nguyễn Thanh Sang

Mẫu số 7.10. PHÂN NHÓM HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO THEO CÁC NGUYÊN NHÂN NGHÈO
 XÃ: ĐÔNG HƯNG Năm rà soát: 2025

TT	Khu vực/Đơn vị	Nguyên nhân nghèo, cận nghèo							
		Không có đất sản xuất	Không có vốn sản xuất, kinh doanh	Không có lao động	Không có công cụ/ phương tiện sản xuất	Không có kiến thức về sản xuất	Không có kỹ năng lao động, sản xuất	Có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn...	Nguyên nhân khác (ghi rõ)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Ấp Ngọc Thuận	8		1				3	
	hộ nghèo			1					
	hộ cận nghèo	8						3	
2	Ấp Thuồng Luồng	2							
	hộ nghèo	2							
	hộ cận nghèo								
3	Ấp Ngọc Hồng	20						5	
	hộ nghèo	4							
	hộ cận nghèo	16						5	
4	Ấp Ngọc Hải	10						7	
	hộ nghèo	1							
	hộ cận nghèo	9						7	
5	Ấp Rò Ghe	6		2				4	
	hộ nghèo	4		2				2	
	hộ cận nghèo	2						2	
6	Ấp Hưng Lâm	3		1				1	
	hộ nghèo	2		1				1	
	hộ cận nghèo	1							
7	Ấp Ngọc Hòa	5		4					
	hộ nghèo	3		2					
	hộ cận nghèo	2		2					
8	Ấp Xẻo Đồi	9		1				2	
	hộ nghèo	6		1				2	
	hộ cận nghèo	3							
9	Ấp Ngọc Hiền	7		2				8	
	- Hộ nghèo	2		2				8	
	- Hộ cận nghèo	5							
10	Ấp Minh Giồng	1		1					
	- Hộ nghèo	1		1					
	- Hộ cận nghèo								

11	Ấp Minh Cơ	11		6				5	
	- Hộ nghèo	5		6				4	
	- Hộ cận nghèo	6						1	
12	Ấp Mường Đào	6		5				2	
	- Hộ nghèo	2		3					
	- Hộ cận nghèo	4		2				2	
13	Ấp Phong Lưu	2		4				1	
	- Hộ nghèo	1		2					
	- Hộ cận nghèo	1		2				1	
14	Ấp Ngọc thành	8		5				3	
	- Hộ nghèo	4		3				1	
	- Hộ cận nghèo	4		2				2	
	Tổng cộng:	98		32				41	
	- Hộ nghèo	37	0	24	0	0	0	18	0
	- Hộ cận nghèo	61	0	8	0	0	0	23	0

Lập bảng

PHÒNG KINH TẾ

Đồng Hưng, ngày....tháng 12 năm 2025
T.M ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Hữu Giáo

Hồ Minh Song

Nguyễn Thanh Sang

Mẫu số 7.11. TỜNG HỢP CHỈ SỐ THIẾU HỤT CỦA TRẺ EM THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

XÃ: ĐÔNG HƯNG

Năm rà soát: 2025

TT		Chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ nghèo				Chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ cận nghèo			
		Tổng số trẻ em	Y tế		Giáo dục	Tổng số trẻ em	Y tế		Giáo dục
			Chỉ số thiếu hụt về bảo hiểm y tế	Chỉ số thiếu hụt về dinh dưỡng			Chỉ số thiếu hụt về tình trạng đi học	Chỉ số thiếu hụt về bảo hiểm y tế	
	Đơn vị tính	Trẻ	Trẻ	Trẻ	Trẻ	Trẻ	Trẻ	Trẻ	Trẻ
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Ấp Ngọc Thuận					15			4
2	Ấp Thuồng Luồng	2							
3	Ấp Ngọc Hồng	7			2	7			
4	Ấp Ngọc Hải	2				11			3
5	Ấp Rọ Ghe	3				3			
6	Ấp Hưng Lâm	6			1	1			1
7	Ấp Ngọc Hòa	1			1	5			
8	Ấp Xẻo Dôi	4				2			
9	Ấp Ngọc Hiền	11			4	8			2
10	Ấp Minh Giồng	2		2					
11	Ấp Minh Cơ	9			4	5		1	1
12	Ấp Mường Đào	6			2	5		2	
13	Ấp Phong Lưu					1			1
14	Ấp Ngọc Thành	3		3		2		2	
Tổng cộng		56	0	5	14	65		5	12

Đông Hưng, ngày.....tháng 12 năm 2025

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÒNG KINH TẾ

Lập bảng



Phạm Hữu Giáo

Hồ Minh Song



Nguyễn Thanh Sang